

Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài tới việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành ở Việt Nam

ĐÀO VĂN HIỆP

Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta rất cần đến các thế mạnh về vốn và công nghệ của các công ty xuyên quốc gia. Thực tế hơn 20 năm qua, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài từ các công ty này đã có đóng góp tích cực đến quá trình chuyển dịch kinh tế ngành. Thông qua phân tích vai trò của vốn đầu tư nước ngoài, bài viết nhấn mạnh việc tiếp tục phát huy những giải pháp hữu hiệu để thu hút và hướng đầu tư nước ngoài tập trung vào những ngành, lĩnh vực phục vụ cho quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

1. Khái quát về quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành ở Việt Nam

Trong 20 năm (1990 – 2010) cơ cấu ngành kinh tế có sự chuyển dịch tích cực, đúng hướng, tỷ trọng công nghiệp tăng từ 22,6% lên 41,10%; tỷ trọng nông nghiệp giảm từ 38,7% xuống 20,58%; tỷ trọng dịch vụ tương đối ổn định trong cơ cấu GDP.

BẢNG 1: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành theo GDP (%)

Ngành	1990	2000	2010
Tổng GDP	100,00	100,00	100,00
Nông lâm thủy sản	38,70	24,53	20,58
Công nghiệp - xây dựng	22,60	36,73	41,10
Dịch vụ	38,70	38,74	38,32

Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2000 và năm 2010.

Tuy tỷ trọng của từng ngành có sự tăng giảm, song giá trị tuyệt đối của các nhóm ngành trong GDP đều tăng, làm cho tổng GDP tăng lên. Giá trị sản lượng nông nghiệp tăng bình quân giai đoạn 1991 – 1995 là 4,3%, giai đoạn 1996 -2000 là 4,5%, giai đoạn 2000 – 2010 là 2,76%. Giá trị sản lượng công nghiệp tăng bình quân giai đoạn 1990 – 2000

là 12,5%, giai đoạn 2000-2010 là 4%. Giá trị sản lượng của ngành dịch vụ giai đoạn 2000-2010 tăng bình quân mỗi năm là 3,44%.

Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành được thực hiện gắn liền với sự phát triển các ngành theo hướng đa dạng hóa, từng bước hình thành các ngành trọng điểm, mũi nhọn có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của nhiều ngành kinh tế khác như các ngành sản xuất xi măng, dầu khí, sắt thép, lương thực và phục vụ sản xuất lương thực và một số ngành thuộc lĩnh vực dịch vụ như: du lịch, vận tải, bưu chính viễn thông.

Sự chuyển dịch tích cực trên có sự đóng góp không nhỏ của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong hơn 20 năm thực hiện chính sách đổi mới kinh tế của đất nước.

2. Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài đối với chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành ở Việt Nam

Thứ nhất, nguồn vốn đầu tư nước ngoài với việc chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp

Thời kỳ đầu thực hiện Luật Đầu tư nước ngoài, phần lớn các dự án và vốn đầu tư nước ngoài tập trung vào thăm dò, khai thác dầu khí và xây dựng khách sạn, văn phòng cho thuê. Giai đoạn 1988 – 1990 đã

Đào Văn Hiệp, TS., Trường đại học Hải Phòng.

có 7 dự án thăm dò khai thác dầu khí với số vốn đăng ký chiếm đến 32,2% vốn đầu tư vào ngành công nghiệp. Những năm sau, số dự án đầu tư vào các ngành khác của khu vực sản xuất công nghiệp đã tăng nhanh qua từng năm: nếu năm 1991 số dự án mới chiếm khoảng 35%, thì đến năm 1995 tăng lên đến 43% và đến hết 2000

chiếm tới 62,5% số dự án và 53,2% vốn đăng ký, vốn thực hiện trong lĩnh vực công nghiệp cũng đạt tỷ lệ cao nhất: 57,2%. Đến năm 2010 cả nước có 12.463 dự án đầu tư nước ngoài thì ngành công nghiệp – xây dựng là 8.092 dự án, chiếm gần 63,68%. Đến năm 2011, số vốn đầu tư vào ngành công nghiệp chiếm 59,3%.

BẢNG 2: FDI của các nước vào Việt Nam theo ngành (tính đến ngày 23-6-2011)

STT	Ngành và chuyên ngành	Tổng vốn đầu tư vào Việt Nam (USD)	%
1	<i>Công nghiệp</i>	118.329.536.498	59,3
	Công nghiệp chế biến, chế tạo	98.479.510.465	49,3
	Khai khoáng	2.974.765.137	1,5
	Sản xuất, phân phối điện, khí, nước	5.136.371.678	2,6
	Xây dựng	11.738.889.218	5,9
2	<i>Nông, lâm nghiệp; thủy sản</i>	3.161.277.739	1,6
3.	<i>Dịch vụ</i>	78.133.784.286	39,1
	Kinh doanh bất động sản	48.198.428.474	24,1
	Nghệ thuật và giải trí	3.621.468.103	1,8
	Vận tải kho bãi	3.217.962.685	1,6
	Dịch vụ lưu trữ và ăn uống	11.747.838.576	5,9
	Bán buôn, bán lẻ; sửa chữa	1.814.376.694	0,9
	Y tế và trợ giúp xã hội	1.037.196.437	0,5
	Hoạt động chuyên môn, khoa học - công nghệ	785.819.057	0,4
	Tài chính, ngân hàng bảo hiểm	1.321.550.673	0,7
	Thông tin và truyền thông	4.828.642.558	2,4
	Dịch vụ khác	644.201.106	0,3
	Hành chính và dịch vụ hỗ trợ	183.373.821	0,1
	Cấp nước; xử lý chất thải	387.478.770	0,2
	Giáo dục và đào tạo	345.447.332	0,2
	Tổng	199.624.598.523	

Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và đầu tư.

BẢNG 3: Chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp (%)

Chỉ tiêu	1995	1999	2005	2010
Toàn ngành công nghiệp	100,0	100,0	100,00	100,00
Công nghiệp khai thác	13,5	14,4	11,22	9,23
Dầu khí	10,5	12,0	8,73	5,91
Công nghiệp chế biến	80,5	79,4	82,80	85,32
Sản xuất thực phẩm	26,1	23,6	17,85	18,19
Sản phẩm phi kim loại	8,9	9,2	5,53	6,37
Sản phẩm dệt	6,0	6,5	4,03	3,94
Hóa chất	4,9	5,4	4,72	5,52
Sản phẩm da, giả da	3,4	4,7	4,28	3,21
Sản phẩm kim loại	3,3	2,6	3,78	3,83
Điện tử và công nghệ thông tin	3,0	3,8	3,52	3,73
Điện, ga và nước	6,0	6,2	5,98	5,45
Điện, ga	5,3	5,6	5,52	4,92

Nguồn: Tổng kết thực hiện chủ trương chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đầu tư phát triển.
Bộ Kế hoạch và đầu tư, 2000 và Niên giám thống kê năm 2010.

Một điểm đáng chú ý là trong số vốn đầu tư vào ngành công nghiệp, hai phần ba số dự án là đầu tư chiều sâu để nâng cấp, mở rộng các cơ sở kinh tế hiện có. Cơ cấu ngành nghề đầu tư được điều chỉnh hợp lý hơn, hướng mạnh vào sản xuất hàng xuất khẩu, xây dựng kết cấu hạ tầng và cơ sở sản xuất công nghiệp, chế biến nông lâm thủy sản, sử dụng hiệu quả tài nguyên và sử dụng nhiều lao động, ứng dụng công nghệ cao và kỹ thuật hiện đại.

Khu vực công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với năng suất lao động cao đã tạo ra giá trị sản xuất công nghiệp là 25.933 tỷ đồng vào năm 1995, chiếm 25% giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp. Đến năm 2005, giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá thực tế) do khu vực có vốn FDI chiếm 43,81%, năm 2006 là 44,38%, năm 2007 là 44,69%, năm 2008 là 44,56%. Do tác động của khủng hoảng kinh tế, nên năm 2009 giá trị sản xuất công nghiệp của khu vực này có giảm chút ít, nhưng vẫn chiếm tỷ lệ là 43,15%.

Thông qua đầu tư nước ngoài đã làm xuất hiện nhiều lĩnh vực và phân ngành

kinh tế công nghiệp mới được coi là các ngành trọng điểm, mũi nhọn có ý nghĩa quan trọng đối với nền kinh tế như: dầu khí, điện tử, tin học, lắp ráp ô tô, sắt thép... Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài hiện chiếm 100% sản phẩm về khai thác dầu thô, 100% sản phẩm lắp ráp ô tô, xe máy, 70% công suất chế biến thép và kết cấu thép. Trong công nghiệp điện tử, điện gia dụng, vốn đầu tư nước ngoài chiếm trên 50%, trong đó 100% sản phẩm là tụ điện, mạch in, máy giặt, tủ lạnh... Trong công nghiệp dệt may, vốn đầu tư nước ngoài chiếm 100% về năng lực sản xuất sợi PE, PES; 55% năng lực kéo sợi, 32% sản xuất giày dép. Ngoài ra khu vực có vốn đầu tư nước ngoài còn chiếm 18% chế biến thực phẩm, 14% sản lượng hóa chất. Nhìn tổng thể bảng 3 thì cơ cấu các phân ngành lớn trong ngành công nghiệp không có chuyển biến nhiều, nhưng đi sâu vào từng phân ngành thì thấy cơ cấu công nghiệp có sự chuyển biến mạnh, mang tính tiến bộ. Đây là bước tiến quan trọng so với diễn biến những năm gần đây, chủ yếu là đã tăng được tỷ trọng các ngành công nghiệp

công nghệ cao, có khả năng xuất khẩu như: dầu khí, sản phẩm dệt may, da, kim loại, điện tử và công nghệ thông tin... Đây cũng chính là những phân ngành có tỷ trọng vốn đầu tư nước ngoài khá cao trong các năm qua.

Với những thế mạnh nêu trên, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đã tạo ra một khối lượng hàng hóa lớn đáp ứng nhu cầu thị trường, hạn chế tối đa việc phải nhập khẩu nhiều mặt hàng tiêu dùng trước đây như xi măng, sắt thép, điện tử, điện dân dụng và nhiều loại hàng tiêu dùng khác... qua đó góp phần bình ổn giá cả thị trường và làm tăng tỷ trọng của ngành trong nền kinh tế.

Những số liệu sau đây góp phần khẳng định nhận định trên: năm 2000 trong số 89 loại sản phẩm công nghiệp chủ yếu, khu vực đầu tư nước ngoài tham gia sản xuất và cung ứng 65 loại sản phẩm, chiếm 73%. Năm 2005 trong số 108 loại sản phẩm công nghiệp chủ yếu, khu vực đầu tư nước ngoài tham gia sản xuất và cung ứng 84 loại sản phẩm, chiếm 77,8%. Năm 2010 trong số 108 loại sản phẩm công nghiệp chủ yếu, khu vực đầu tư nước ngoài tham gia sản xuất và cung ứng 87 loại sản phẩm, chiếm 80,5%.

Năm 2000 sản phẩm công nghiệp từ các xí nghiệp liên doanh hoặc 100% vốn nước

ngoài đã có đóng góp đáng kể như ngành lắp ráp ô tô 13.547 chiếc, chiếm 100%, bột ngọt 125.200 tấn, chiếm 100%, xe máy 309.300 chiếc, chiếm 67%, ti vi lắp ráp 855.500 chiếc, chiếm 84,4%, sản lượng dầu thô 1,63 triệu tấn, chiếm 100%. Những năm 2005-2010, với sự phát triển ngày càng mạnh mẽ của khu vực doanh nghiệp trong nước, tỷ lệ sản phẩm công nghiệp từ các xí nghiệp liên doanh hoặc 100% vốn nước ngoài có giảm xuống, song đây vẫn là khu vực có đóng góp quan trọng trong sản xuất sản phẩm công nghiệp chủ yếu ở nước ta.

Nhìn chung, ở các ngành kinh tế mũi nhọn, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã góp phần đưa tốc độ tăng trưởng của ngành này vượt trội so với các ngành khác của nền kinh tế quốc dân, ngày càng chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế, tạo vị thế vững chắc, khả năng cạnh tranh cao và mang lại nguồn thu lớn cho ngân sách nhà nước; đặc biệt nhờ vốn đầu tư nước ngoài mà chúng ta có được các ngành trọng điểm, mũi nhọn mà tự nước ta chưa thể phát triển được. Như vậy đầu tư nước ngoài thời gian qua từng bước góp phần cải biến cơ cấu ngành công nghiệp, hướng tới một cơ cấu hợp lý, đa ngành, trong đó có các ngành trọng điểm, mũi nhọn dần được khẳng định.

BẢNG 4: Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu do khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sản xuất

	2000		2005		2010	
	Chung	Khu vực FDI	Chung	Khu vực FDI	Chung	Khu vực FDI
Lắp ráp ô tô (chiếc)	13.547	13.547	59.152	35.922	114.598	69.252
Bột ngọt (tấn)	125.200	125.200	244.700	244.700	238.100	238.100
Xe máy (chiếc)	463.400	309.300	1.982.100	1.251.900	3.539.800	2.747.700
Tivi lắp ráp (chiếc)	1.013.100	855.500	2.515.300	2.197.900	2.777.500	2.321.100
Thép cán và sản phẩm kéo dây (nghìn tấn)	1.583	841	3.403	985	7935	2.106
Dầu thô (triệu tấn)	1,63	1,63	1,85	1,85	1,5	1,48

Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2005 và năm 2010.

Đồng thời với sự đầu tư về vốn, các ngành công nghiệp cũng được hiện đại hóa qua việc đầu tư về máy móc kỹ thuật, nhiều công nghệ mới đã được chấp nhận vào nước ta như thiết kế, chế tạo máy và sản phẩm cơ khí điều khiển theo chương trình, sản xuất xi măng theo công nghệ tiên tiến, nhiều dây chuyền sản xuất tự động đã được đưa vào vận hành như dây chuyền lắp ráp hàng điện tử, lắp ráp tổng đài điện thoại tự động kỹ thuật số... Việc nhập khẩu công nghệ qua đầu tư nước ngoài là yếu tố quan trọng đối với quá trình phát triển công nghiệp các năm qua. Nhìn chung công nghệ do nước ngoài chuyển giao qua các dự án được đánh giá là tiên tiến, tương đương với công nghệ đang được áp dụng trên thế giới, hoặc ít ra cũng tương đương công nghệ trung bình ở các nước trong khu vực. Đồng thời với việc đầu tư máy móc kỹ thuật là việc chuyển giao công nghệ và trình độ quản lý tiên tiến, năng lực tiếp cận thị trường cho các cán bộ và lực lượng lao động trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Đội ngũ lao động này từng bước phát huy năng lực và khả năng tiếp thu tri thức hiện đại trong điều hành, cũng như trong quá trình sản xuất, có thể vươn lên làm chủ khi có điều kiện tiếp nhận toàn bộ các công trình chuyển giao. Những công nghệ đó đã tạo ra nhiều sản phẩm có chất lượng cao, mẫu mã đẹp, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu, nhất là trong các lĩnh vực sản xuất hàng tiêu dùng như vật liệu xây dựng, hàng dệt may, giày dép, điện tử, lắp ráp ô tô, xe máy... Chất lượng sản phẩm của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đều đạt tiêu chuẩn Việt Nam, một số đạt tiêu chuẩn quốc tế ISO.

Sự ra đời của các doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài

đã kéo theo việc thu hút và giải quyết việc làm cho hơn 95 vạn lao động, chưa gồm lực lượng lao động nông nghiệp làm gia công cho sản xuất công nghiệp. Với khả năng tiếp nhận số lượng lớn lao động, nên đầu tư nước ngoài đã góp phần làm lành mạnh hóa các quan hệ xã hội, tạo nên một thị trường lao động với đầy đủ yếu tố cung cầu và cạnh tranh. Qua đó có ảnh hưởng rất lớn đến sự quan tâm của xã hội đối với sự nghiệp giáo dục đào tạo, góp phần chuyển dịch cơ cấu ngành nghề, cơ cấu lao động và hình thành đội ngũ công nhân lành nghề có kỹ thuật lao động cao thích ứng dần với yêu cầu của cơ chế lao động mới và nhiều ngành nghề mới ra đời.

Thứ hai, nguồn vốn đầu tư nước ngoài với việc chuyển dịch cơ cấu ngành dịch vụ:

Trong những năm đầu thực hiện Luật Đầu tư nước ngoài, lĩnh vực khách sạn và du lịch trong ngành dịch vụ tỏ ra là lĩnh vực khá hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài. Số dự án tăng nhanh qua các năm, trong ba năm 1988 - 1990 mới có 11 dự án với số vốn đầu tư đăng ký là 193 triệu USD, vốn thực hiện là 140 triệu USD, chiếm 72,5%, đến thời kỳ 1991 - 1995 đã có 101 dự án với số vốn đăng ký lên tới 2,5 tỷ USD, vốn thực hiện 1,4 tỷ USD, chiếm 56%. Những năm 1996 - 1999 do ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính trong khu vực và do việc đầu tư để xây dựng khách sạn, văn phòng, căn hộ cho thuê đã trở nên bão hòa, số dự án vào lĩnh vực này giảm sút. Tuy nhiên tính đến hết năm 2010, số dự án vào lĩnh vực khách sạn, du lịch, xây dựng văn phòng, căn hộ đạt 666 với số vốn đăng ký hơn 8,9 tỷ USD, góp phần làm thay đổi căn bản diện mạo ngành khách sạn Việt Nam đạt tiêu chuẩn, hội nhập được với hệ thống khách

sản khu vực và thế giới. Các dự án đầu tư vào lĩnh vực cơ sở hạ tầng kỹ thuật (giao thông vận tải, bưu chính viễn thông...) cũng tăng nhanh ở thời kỳ 1991 - 1995, sau đó giảm dần và trong năm 2000 không có dự án nào. Đến năm 2010, giao thông vận tải, bưu chính, viễn thông có 1200 dự án với số vốn đầu tư đăng ký hơn 8,1 tỷ USD với những trang thiết bị tiên tiến, đã có đóng góp rất lớn trong việc hiện đại hóa các ngành này và có ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển của nhiều ngành kinh tế khác. Số dự án vào lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục tăng dần qua các năm và với 9 dự án trong năm 2000 đã nâng tổng số dự án lên tới 87 với số vốn đăng ký là 533 triệu USD, tuy nhiên vốn thực hiện còn ở mức thấp, đạt hơn 142 triệu USD chiếm 26,6%... Tính đến ngày 31-12-2010 có 335 dự án còn hiệu lực, chiếm 24,3% tổng số dự án với số vốn đăng ký hơn 5 tỷ USD.

Như vậy, hơn 20 năm qua số dự án đầu tư và số vốn đăng ký vào lĩnh vực dịch vụ luôn đứng hàng thứ hai sau lĩnh vực công nghiệp. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài không chỉ tác động rất lớn đến tốc độ tăng trưởng của ngành, mà còn mở ra nhiều loại hình dịch vụ mới đa dạng hơn như tài chính, ngân hàng, bưu chính viễn thông..., đây cũng là những ngành mà sự phát triển của nó có ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của nền kinh tế. Những năm gần đây, Nhà nước đã có chủ trương cho phép một số hình thức liên doanh trong lĩnh vực vận tải như vận tải đô thị, góp phần tạo ra sự chuyển biến nhanh với chất lượng cao trong lĩnh vực dịch vụ đòi hỏi không ít vốn. Đầu tư nước ngoài đã làm chuyển biến ngành dịch vụ theo hướng hiện đại hóa, làm thay đổi nhận thức và hoạt động kinh doanh cũng như việc nâng cao chất lượng phục vụ, thu hút và giải quyết việc làm cho hàng

vạn lao động. Doanh thu của các ngành dịch vụ hàng năm tăng khá, góp phần làm tăng tỷ trọng GDP của ngành trong cơ cấu GDP của cả nước.

Thứ ba, nguồn vốn đầu tư nước ngoài với việc chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp:

Tính đến ngày 31-12-2010, có 291 dự án vào lĩnh vực nông, lâm nghiệp và 52 dự án vào lĩnh vực thủy sản còn hiệu lực với tổng số vốn đầu tư đăng ký là 2,1 tỷ USD, chiếm 5,8% tổng số vốn đăng ký của tất cả các ngành. Có thể khẳng định, đầu tư nước ngoài vào ngành sản xuất nông nghiệp còn quá thấp, chưa tương xứng với tiềm năng của nó và hiện đang có xu hướng giảm sút: năm 1995 chiếm 6,2% tổng số vốn đầu tư nước ngoài; năm 2000, có 36 dự án được cấp giấy phép đầu tư với vốn đăng ký đạt gần 55,3 triệu USD, chỉ chiếm 2,8% tổng vốn đăng ký; năm 2008, có 45 dự án được cấp giấy phép đầu tư với vốn đăng ký đạt gần 48,3 triệu USD, chiếm 2,5% tổng vốn đăng ký. Hầu hết các dự án đầu tư vào nông nghiệp đều có quy mô nhỏ, trung bình khoảng 6,2 triệu USD, số dự án dưới 5 triệu USD chiếm tới 75% tổng số dự án. Nguyên nhân của tình trạng này là do khu vực nông nghiệp chưa có sức thu hút mạnh mẽ đầu tư nước ngoài do năng suất lao động thấp, cơ sở hạ tầng lạc hậu, sức mua thấp, chưa có quy hoạch rõ ràng trong việc thu hút đầu tư nước ngoài, hệ thống cơ chế chính sách chưa đồng bộ... Tuy nhiên bằng số dự án đã có, đầu tư nước ngoài cũng tạo chuyển biến đáng kể trong việc phát triển toàn diện nông, lâm, ngư nghiệp. Phần lớn dự án tập trung vào một số lĩnh vực có giá trị gia tăng cao trong nông nghiệp và phát triển nông thôn theo phương pháp công nghệ sinh học tiên tiến như chế biến nông sản, trồng và chế biến chè, chế biến thức

ăn gia súc... Nhiều thành tựu khoa học và công nghệ mới về giống cây trồng, kỹ thuật canh tác nuôi trồng thủy sản, sản xuất phân bón từ các dự án đầu tư nước ngoài được áp dụng không chỉ làm tăng năng suất lao động, tăng sản lượng hàng hóa, nâng dần hiệu quả sản xuất của ngành nông nghiệp, mà còn góp phần phát triển nguồn nguyên liệu ổn định cho sản xuất của một số ngành công nghiệp chế biến, tạo thêm sản phẩm hàng hóa xuất khẩu có giá trị cao cho nông nghiệp, giải quyết việc làm cho bộ phận lớn lao động nông nghiệp. Một trong những khó khăn trở ngại đối với sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của nông nghiệp nước ta là tình trạng cung ứng không đủ và không kịp thời của các yếu tố phục vụ sản xuất như phân bón, thuốc trừ sâu và tình trạng nghèo nàn về cơ sở vật chất, kỹ thuật trong bảo quản và chế biến lương thực, làm ảnh hưởng đến chất lượng và khả năng cạnh tranh xuất khẩu hàng hóa trên thị trường quốc tế. Một số dự án đầu tư nước ngoài bước đầu đã có những đóng góp đáng kể vào việc giải quyết các khó khăn đó qua việc đầu tư xây dựng các xí nghiệp sản xuất phân hóa học và một số cơ sở bảo quản, chế biến lương thực. Tuy nhiên, nhu cầu vốn đầu tư cho ngành sản xuất nông nghiệp và những cơ sở phục vụ cho quá trình sản xuất, tiêu thụ sản phẩm còn rất lớn, đòi hỏi phải có những giải pháp thu hút thật sự ưu tiên và ưu đãi mới hy vọng làm tăng tính hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư phát triển ngành này.

Tuy những thành tựu của đầu tư nước ngoài đạt được bước đầu tương đối khả quan, song so với các nước trong khu vực và nhu cầu phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thì hoạt động thu hút và sử dụng vốn đầu tư nước ngoài vẫn

còn nhiều khó khăn, yếu kém. Hiện tại đã xuất hiện những bất hợp lý về cơ cấu đầu tư từ nguồn vốn đầu tư nước ngoài, chủ yếu bắt nguồn từ sự yếu kém trong công tác quy hoạch. Phần lớn các dự án đầu tư khai thác vào những ngành mà đất nước có lợi thế, sản phẩm đang có thị trường tiêu thụ ngay ở trong nước, lợi nhuận thu được từ các dự án này là hấp dẫn các nhà đầu tư, nếu chúng ta không chú trọng điều chỉnh sẽ không phát huy vai trò của nguồn vốn đầu tư nước ngoài đối với định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành của đất nước, ảnh hưởng của các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong từng ngành còn hạn chế. Ngành điện tử là ngành công nghiệp mới và được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn, tuy nhiên đến nay giá trị sản lượng của ngành còn thấp, mới chỉ bằng 5% tổng giá trị toàn ngành công nghiệp. Ngành cơ khí có vai trò rất lớn đối với công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, có số dự án và vốn đầu tư đạt ở mức cao, nhưng đến nay giá trị sản lượng của ngành vẫn còn ở mức thấp. Vốn đầu tư nước ngoài trong ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản còn quá nhỏ bé so với nhu cầu đầu tư và tiềm năng phát triển, thậm chí còn có xu hướng giảm. Việc thu hút vốn đầu tư vào các khu công nghiệp gặp khó khăn, hệ số cho thuê đất còn quá thấp, mới đạt khoảng 30% và vốn thực hiện đạt khoảng 25% so với nhu cầu "lấp đầy" các khu chế xuất, khu công nghiệp hiện có. Vốn đầu tư còn phân bố mất cân đối lớn giữa các vùng và địa phương, chỉ tập trung vào 3 vùng kinh tế trọng điểm của cả nước.

Việc tiếp thu và sử dụng công nghệ, thiết bị máy móc nước ngoài còn nhiều hạn chế, chưa góp phần vào hiện đại hóa nền kinh tế, bởi phần lớn các thiết bị trong các dự án đầu tư nước ngoài thuộc loại trung bình hay trung bình tiến tiến trong khu vực, nhưng ít thiết bị hiện đại.

Tình hình phát triển kinh tế xã hội của đất nước đang diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều thay đổi quan trọng với tốc độ toàn cầu hóa và tự do thương mại diễn ra nhanh chóng. Nền kinh tế đất nước ngày càng gắn kết với nền kinh tế khu vực và kinh tế thế giới với những cam kết và lịch trình cụ thể, tạo ra nhiều cơ hội mới về thu hút vốn đầu tư nước ngoài, chuyển giao công nghệ và quản lý, xâm nhập thị trường thế giới. Mặt khác, bài học kinh nghiệm từ sau khủng hoảng tài chính đòi hỏi chúng ta phải xem xét lại chính sách đầu tư, cơ cấu đầu tư để có những điều chỉnh thích hợp theo hướng nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, góp phần đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

3. Kết luận

Để thực hiện mục tiêu xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, đòi hỏi phải đẩy nhanh hơn nữa quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Yếu tố vật chất góp phần quyết định quá trình chuyển dịch cơ cấu là vốn và lao động lành nghề. Đối với nước ta, luận điểm này càng đúng vì nhìn chung, nguồn tài nguyên thiên nhiên của đất nước thuộc loại khan hiếm. Do đó, ngoài việc khai thác triệt để nguồn nội lực là chính, cần tiếp tục có những chuyển biến mạnh mẽ, cả về thực hiện các giải pháp, cả về vận động các đối tác đầu tư nước ngoài để bổ sung thêm nguồn vốn đầu tư phát triển kinh tế xã hội trong những năm đầu của thế kỷ XXI. Công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đòi hỏi phải huy động và sử dụng có hiệu quả cao mọi nguồn vốn trong và ngoài nước. Nền kinh tế Việt Nam có điểm xuất phát thấp, tích lũy ít nên nguồn vốn đầu tư nước ngoài được coi là nhân tố quan trọng có ảnh hưởng lớn đến công

ng nghiệp hóa, hiện đại hóa. Để đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa cần có chính sách thu hút đầu tư nước ngoài cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa thông qua những ưu đãi đối với ngành kinh tế trọng điểm, vào những công trình đòi hỏi yêu cầu kỹ thuật hiện đại mà nước ta chưa giải quyết được bằng nguồn vốn trong nước.

Việc thu hút và sử dụng vốn đầu tư nước ngoài những năm qua đã tạo ra cú hích cho sự tăng trưởng kinh tế của Việt Nam và tác động rất lớn đến quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Thông qua đầu tư nước ngoài đã xuất hiện (tập trung vào lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ) nhiều ngành nghề mới với công nghệ tiên tiến góp phần làm thay đổi tỷ trọng các ngành theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp trong điều kiện đất nước còn rất hạn hẹp về vốn, trình độ kỹ thuật công nghệ thấp kém, lao động trình độ thấp. Để có thể duy trì tốc độ tăng trưởng cao và ổn định và để thực hiện mục tiêu đưa nước ta thành nước công nghiệp vào năm 2020, đòi hỏi phải đẩy nhanh hơn nữa quá trình chuyển dịch cơ cấu. Một trong những giải pháp quan trọng để đạt được các yêu cầu đó là việc tiếp tục đẩy mạnh hoạt động thu hút và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư nước ngoài.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo Điện tử Chính phủ www.Chinhphu.vn (2010), Dòng chảy FDI vào Việt Nam năm 2010, Hà Nội.
2. Bộ Kế hoạch và đầu tư (2005), *Luật Đầu tư Việt Nam*, Hà Nội.
3. Bộ Kế hoạch và đầu tư (2000), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam*, Hà Nội.
4. Tổng cục Thống kê (2005, 2010), *Niên giám thống kê Việt Nam 2005, 2010*, Hà Nội.